

Bản án số: 315/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 12 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chí Nhân.

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Kiều T, sinh năm 2003; nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Quốc N, sinh năm 2000; nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của chị Lâm Kiều T, thể hiện:**

Chị T và anh Trương Quốc N chung sống với nhau vào ngày 26/3/2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh N nhiều lần đánh đập chị, sự việc đã được gia đình hàn gắn nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, chị T xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung, gồm: Trương Lâm Hạo T, sinh ngày 07/6/2020 và Trương Lâm Ngọc M, sinh ngày 25/5/2022 do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Không có.

*** Đối với anh Trương Quốc N:** Mặc dù đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh N không có ý kiến gì về các

nội dung chị T yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lâm Kiều T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trương Quốc N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Chị T và anh N chung sống với nhau vào ngày 26/3/2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh N nhiều lần đánh đập, sự việc được gia đình hàn gắn nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, chị T xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với anh N. Anh N không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Xét yêu cầu của chị T, thấy rằng: Hôn nhân của chị T và anh N có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, chị T yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh N đều vắng mặt; điều đó thể hiện việc anh N không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T ly hôn với anh N là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi con sau khi ly hôn của chị T thấy rằng: Hiện nay chị T đang nuôi dưỡng Trương Lâm Hạo T và Trương Lâm Ngọc M, anh N không có ý kiến gì về yêu cầu này của chị T; do vậy, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên các cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Chị T xác định không, anh N không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Kiều T.

- Về hôn nhân: Cho chị Lâm Kiều T được ly hôn với anh Trương Quốc N.

- Về con chung: Giao Trương Lâm Hạo T, sinh ngày 07/6/2020 và Trương Lâm Ngọc M, sinh ngày 25/5/2022 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000425 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị T đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn